

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐẤT ĐỎ
TỈNH BÀ RỊA-VŨNG TÀU**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **20/2020/HNGĐ-ST**
Ngày: 06-7-2020
V/v: “Tranh chấp về
thay đổi người trực tiếp nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐẤT ĐỎ, TỈNH BÀ RỊA-VŨNG TÀU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Duy Đạt
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Văn Trọng
Ông Nguyễn Văn Hà

-Thư ký phiên tòa: Bà Trương Thị Hoàn -Thư ký TAND huyện Đất Đỏ, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu.

-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đất Đỏ, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Tùng Lâm - Kiểm sát viên.

Ngày 06-7-2020 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Đất Đỏ, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 320/2019/TLST-HNGĐ 16/12/2019 về việc “*tranh chấp về thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 08/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 12-5-2020, Quyết định hoãn phiên tòa số 10/2020/QĐST-HNGĐ ngày 29-5-2020, Quyết định tạm ngừng phiên tòa số 10/2020/QĐST-HGND ngày 15/6/2020, giữa các đương sự:

-Nguyên đơn: Ông Phan Thanh A, sinh năm 1984; địa chỉ: đường 1, phường 2, quận 3, thành phố Hồ Chí Minh. (vắng mặt)

-Bị đơn: Bà Trần Thị Cẩm B, sinh năm 1984; địa chỉ: tổ 1, ấp 2, xã 3, huyện 4, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu. (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

-Theo đơn khởi kiện, quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn trình bày:

Về hôn nhân: Ông Phan Thanh A và bà Trần Thị Cẩm B được TAND quận 3, thành phố Hồ Chí Minh công nhận thuận tình ly hôn theo Quyết định số 235/QĐST-HNGĐ ngày 18-3-2019.

Về con chung ông A và bà B thỏa thuận giao con chung là Phan Thanh Tr, sinh ngày 12/10/2013 cho bà B trực tiếp nuôi dưỡng; tuy nhiên đến tháng 9/2029 bà B lập gia đình với người đàn ông khác, chồng bà B cũng đã ly hôn và nuôi 01 con riêng;

Tháng 9/2019 mẹ ruột bà B là bà Nguyễn Thị M điện thoại cho ông A biết chồng sau bà B đối xử với chung của ông A không tốt; khi ông A về thăm con thì cháu Tr có nguyện vọng được sống cùng ông A.

Để đảm bảo sự phát triển về mọi mặt của con chung, ông A yêu cầu Tòa án giao con chung là cháu Phan Thanh Tr cho ông A trực tiếp nuôi dưỡng, ông A không yêu cầu bà B cấp dưỡng cho con.

Ông A hiện đang làm giám sát bán hàng cho công tyADC, thu nhập bình quân hàng tháng 10.000.000 đồng.

-Bị đơn **bà Trần Thị Cẩm B** đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt nên Tòa án không ghi nhận được lời khai, không tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải được.

-**Quá trình tố tụng:** Nguyên đơn có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt; bị đơn bà B được triệu tập hợp lệ lần hai nhưng vắng mặt.

-**Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Đất Đỏ, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu tham gia phiên tòa phát biểu:**

Về tố tụng: Việc Tòa án nhân dân huyện Đất Đỏ thụ lý vụ án là đúng theo quy định của pháp luật. Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Thư ký, HĐXX cũng như việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn trong vụ án này đúng theo những quy định của BLTTDS; tuy nhiên còn chậm trễ trong việc niêm yết thông báo thụ lý cho bị đơn, bị đơn chưa thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định pháp luật.

Về nội dung: Ông A không chứng minh được chồng sau của bà B đối xử với cháu Tr không tốt, không chứng minh được bà B không toàn tâm, toàn ý chăm lo cho con chung, không chứng minh được bà B không có công việc và thu nhập, không chứng minh được cháu Tr không được đảm bảo quyền lợi về mọi mặt; ông A cho rằng bà B bán tài sản chung được 600.000.000 đồng, trả nợ hết 90.000.000 đồng, nhưng không chứng minh được bà B đã tiêu xài hết số tiền còn lại dẫn tới

không có điều kiện nuôi con. Do đó không có cơ sở chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Tòa án nhận định:

[1] *Về tố tụng:*

[1.1] *Về quan hệ tranh chấp:* Ông A yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con với bà B, yêu cầu giao con chung cho ông A trực tiếp nuôi dưỡng nên xác định đây là quan hệ “*Tranh chấp về yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn*” theo quy định tại khoản 3 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự (viết tắt là BLTTDS).

[1.2] *Về thẩm quyền:* Theo đơn khởi kiện và theo kết quả xác minh của Tòa án có đủ cơ sở xác định địa chỉ cư trú của bị đơn bà B là tổ 1, ấp Mỹ Hòa, xã 3, huyện 4 nên căn cứ vào quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 BLTTDS và điểm a khoản 1 và khoản 3 Điều 5 Nghị quyết số 04/NQ-HĐTP ngày 05/5/2017 của Hội đồng Thẩm phán TAND tối cao thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của TAND huyện Đất Đỏ.

[1.3] *Về người tham gia tố tụng:* Qua xác minh của Tòa án, tại thời điểm khởi kiện nguyên đơn đã ghi đầy đủ và đúng địa chỉ bị đơn đang cư trú. Việc bị đơn thay đổi địa chỉ cư trú không báo cho người khởi kiện biết được coi là cố tình giấu địa chỉ. Bị đơn bà B dù đã được Tòa án tổng đạt Giấy triệu tập, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa theo đúng quy định tại các Điều 173, 177, 179 BLTTDS nhưng vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan; ông A có đơn đề nghị xét xử vắng mặt và được Tòa án chấp nhận nên theo quy định tại Điều 227 và Điều 228 BLTTDS, điểm a khoản 2 Điều 6 Nghị quyết 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/5/2017 của Hội đồng thẩm phán TAND tối cao, HĐXX tiến hành xét xử vắng mặt bà B, ông A.

[2] *Về nội dung:*

[2.1] *Về con chung:* Căn cứ vào lời khai và tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp, HĐXX có đủ cơ sở xác định cháu Phan Thanh Tr, sinh ngày 12/10/2013 là con chung của ông Phan Thanh A và bà Trần Thị Cẩm B.

[2.2] *Về nuôi con và thăm nom con:* Ông A trình bày, sau khi ly hôn, tháng 6/2019 bà B đã kết hôn và chung sống với người đàn ông khác, người này cũng có 01 con riêng và đối xử với con chung của ông A không tốt, khi gặp con chung

cháu có nguyện vọng được sống với ông A, gần đây ông A không thể thực hiện việc thăm con do bà B thường xuyên không có mặt tại địa chỉ cư trú.

Pháp luật quy định, sau khi ly hôn cha mẹ đều có nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng con chung. Ông A có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Hiện nay bà B không thường xuyên có mặt tại địa chỉ cư trú, nhưng không thông báo cho ông A biết là xâm phạm quyền lợi hợp pháp là được thăm con của ông A.

[2.3] *Về chỗ ở:* Theo ông A trình bày hiện bà B không có tài sản là nhà đất riêng; thời gian đầu sau khi ly hôn bà B sống cùng cha mẹ ruột ở xã Phước Tỉnh, huyện Long Điền; sau khi chung sống với người đàn ông khác thì bà B chuyển đến xã 3, huyện 4 đăng ký lưu trú và sinh sống. Riêng cá nhân ông A đang sống cùng cha mẹ đẻ và chưa kết hôn với ai khác, nên nếu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung ông A sẽ có điều kiện chăm sóc, nuôi dưỡng con tốt hơn do có cha mẹ hỗ trợ.

Qua xác minh tại Công an xã Phước Tỉnh, huyện Long Điền thì được biết bà B hiện vẫn còn đăng ký hôn khẩu thường trú tại xã Phước Tỉnh, nhưng đã bán nhà đi khỏi địa phương, đi đâu địa phương không rõ; qua xác minh tại Công an xã 3, huyện 4, được biết tại thời điểm ông A khởi kiện bà B có chung sống tại xã 3 (đăng ký lưu trú tại địa chỉ do bà Nguyễn Thị X là mẹ chồng sau của bà B làm chủ hộ) và bán quán cà phê, nhưng bà B đã nghỉ bán do đang thiếu nợ nhiều người nên không thường xuyên có mặt tại địa chỉ cư trú, bà B hiện nay làm công việc gì và ở đâu thì Công an xã 3 không rõ.

Qua làm việc với bà Nguyễn Thị M là mẹ ruột của bà B, bà M cho biết: B con gái bà hiện đang sống cùng chồng tại xã 3, huyện 4, mỗi khi B và chồng sau có mâu thuẫn B có gửi cháu Tr về cho bà. Những lần cháu Tr ở với bà thì Tr có nguyện vọng được sống với ông A vì không thích sống với cha dượng; bà M mong muốn Tòa án xem xét giao cháu Tr cho ông A trực tiếp nuôi dưỡng.

[2.4] *Về điều kiện tài chính:* Bà B hiện đã nghỉ bán cà phê, hiện nay không rõ làm công việc gì; tại địa phương nơi bà B lưu trú thì bà B đang thiếu nợ nhiều người. Ông A cung cấp tài liệu là bảng lương chứng minh hiện ông có công việc và thu nhập ổn định 10.000.000 đồng/ tháng;

Căn cứ lời khai và tài liệu do nguyên đơn cung cấp, và tài liệu, chứng cứ do Tòa án thu thập; HĐXX xét thấy để đảm bảo điều kiện chăm sóc và lợi ích mọi mặt của con chung, cũng như việc phát triển lành mạnh về thể chất, trí tuệ, đạo đức và giáo dục con chung cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông A về

thay đổi người trực tiếp nuôi con, giao con chung cho ông A trực tiếp nuôi dưỡng đến khi trưởng thành (đủ 18 tuổi) hoặc đến khi phát sinh căn cứ pháp lý làm chấm dứt quyền, nghĩa vụ nuôi con là phù hợp quy định Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình.

[2.5] *Về cấp dưỡng cho con:* Ông A không yêu cầu nên không xem xét.

[2.6] *Về tài liệu chứng cứ:* Các tài liệu chứng cứ do nguyên đơn giao nộp phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 95 BLTTDS nên được chấp nhận.

Theo quy định khoản 2 và 4 Điều 91 BLTTDS bà B có nghĩa vụ đưa ra tài liệu, chứng cứ chứng minh để bảo vệ quyền lợi của mình; bà B được Tòa án tổng đạt hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan, không cung cấp chứng cứ để xác nhận hoặc phản bác yêu cầu của nguyên đơn là từ bỏ quyền tự chứng minh để bảo vệ cho quyền và lợi ích hợp pháp của mình.

Do bị đơn bà B vắng mặt trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án nên HĐXX chỉ xem xét theo lời trình bày và các tài liệu chứng cứ do nguyên đơn giao nộp, tài liệu chứng cứ do Tòa án thu thập là phù hợp với quy định tại các Điều 93, 94, 95, 96 BLTTDS.

[3] *Về phát biểu của Kiểm sát viên:* Như đã phân tích ở mục 2.2, 2.3, 2.4, 2.6 thì bà B ngoài vi phạm về nghĩa vụ thực hiện quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con của ông A thì không có chỗ ở ổn định, không có căn cứ để tin có thu nhập đảm bảo chăm lo cho mình và con. Việc bà B bán tài sản để trả nợ còn dư ra số tiền khoảng 510.000.000 đồng nhưng cũng không có căn cứ chứng minh bà B còn số tiền này. Việc bà B cố tình giấu địa chỉ, không chấp hành việc triệu tập của Tòa án để đưa ra tài liệu chứng cứ và lập luận của mình đối với yêu cầu và lập luận của nguyên đơn. Do đó căn cứ vào lời trình bày và tài liệu do nguyên đơn cung cấp, tài liệu do Tòa án thu thập, có đủ căn cứ cho rằng bà B không còn đủ điều kiện trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con. Ông A có đơn yêu cầu và chứng minh được yêu cầu là có căn cứ nên cần được chấp nhận.

[4] *Về án phí:* Do yêu cầu khởi kiện của ông A được chấp nhận nên bà B phải chịu án theo quy định pháp luật.

[5] *Về quyền kháng cáo:* Ông A và bà B được quyền kháng cáo theo quy định Điều 271 và khoản 1 Điều 273 BLTTDS.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

Các Điều 28, 35, 39, 93, 94, 95, 96, 147, 227, 228, 271, 373, 278 và 280 Bộ luật tố tụng dân sự;

Điều 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình;

Điểm a khoản 2 Điều 6 Nghị quyết 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/5/2017 của Hội đồng thẩm phán TAND tối cao;

Điều 6 Nghị quyết 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/5/2017 của Hội đồng Thẩm phán TAND tối cao;

Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/10/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

Tuyên xử:

1. Về yêu cầu khởi kiện: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện về việc “Tranh chấp thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn” của ông Phan Thanh A đối với bà Trần Thị Cẩm B.

2. Về con chung: Buộc bà Trần Thị Cẩm B giao cháu Phan Thanh Tr, sinh ngày 12/10/2013 cho ông Phan Thanh A trực tiếp nuôi dưỡng đến khi trưởng thành (đủ 18 tuổi) hoặc đến khi phát sinh căn cứ pháp lý làm chấm dứt quyền, nghĩa vụ nuôi con. Bà Trần Thị Cẩm B không phải cấp dưỡng cho con do ông A không có yêu cầu.

Ông A, bà B được đều có nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng con chung. Bà B có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà ông A và những người thân thích không ai được cản trở.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Vì quyền lợi của con chung, trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con.

3. Về án phí:

- Ghi nhận việc ông Phan Thanh A tự nguyện chịu 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*) ông A đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số TU/2017/0000979 ngày 07-12-2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đất Đỏ. Ông A đã nộp đủ án phí.

- Bà Trần Thị Cẩm B không phải chịu án phí.

4. Về quyền kháng cáo: **Nguyên đơn** và Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp được quyền kháng cáo, kháng nghị bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày tính từ ngày tuyên án (**ngày 06-7-2020**); VKSND cấp trên trực tiếp có quyền kháng nghị bản án trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày tuyên án; bị đơn không có mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

5. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh BR-VT;
- VKSND tỉnh BR-VT;
- VKSND huyện Đất Đỏ;
- Chi Cục THADS huyện Đất Đỏ;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ, VT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Duy Đạt